

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025

Trường Đại học Hùng Vương thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025 như sau:

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo quy định Quy chế tuyển sinh hiện hành.

2. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Hùng Vương tuyển sinh các thí sinh thuộc các vùng như sau:

- Các ngành đại học sư phạm: Thực hiện đào tạo theo kế hoạch giao nhiệm vụ đào tạo sinh viên sư phạm của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, chỉ tuyển các thí sinh có hộ khẩu tỉnh Phú Thọ (mới). Thực hiện tuyển sinh đối với các tỉnh khác khi có đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP của các tỉnh.

- Các ngành ngoài sư phạm: Tuyển sinh toàn quốc.

3. Phương thức tuyển sinh

Năm 2025, Trường Đại học Hùng Vương thực hiện tuyển sinh nhiều đợt trong năm và sử dụng các phương thức tuyển sinh sau:

(TS01) Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

(TS02) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12.

(TS03) Xét tuyển kết hợp kết quả học tập lớp 12 với chứng chỉ quốc tế.

(TS04) Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp với điểm thi năng khiếu.

(TS05) Xét tuyển kết quả học tập lớp 12 kết hợp với điểm thi năng khiếu.

(TS06) Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

(TS07) Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học; Xét tuyển học sinh được cử đào tạo trình độ đại học theo chế độ cử tuyển.

Nhà trường tổ chức thi các môn năng khiếu đối với các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển.

4. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

4.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

4.1.1. Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (TS01)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào với nhóm ngành đào tạo giáo viên, nhóm ngành sức khỏe của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.1.2. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 (TS02)

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và đạt điều kiện như sau:

(1) *Đối với các ngành sư phạm:* Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (hoặc học lực xếp loại từ giỏi trở lên). Riêng các ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm âm nhạc: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (hoặc học lực xếp loại từ khá trở lên).

(2) *Đối với các ngành ngoài sư phạm:*

- Ngành Điều dưỡng: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (hoặc học lực xếp loại từ khá trở lên).

- Các ngành khác: Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (đã tính điểm ưu tiên) đạt 18,0 trở lên.

4.1.3. Xét tuyển kết hợp kết quả học tập lớp 12 với chứng chỉ quốc tế (TS03)

Đối với các thí sinh có chứng chỉ IC3, MOS để xét tuyển vào ngành Công nghệ thông tin; có chứng chỉ IELTS, TOEFL iBT, TOEIC, TOEFL Paper, B2 Cambridge để xét tuyển vào ngành Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; có chứng chỉ HSK để xét tuyển vào ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Nhà trường sẽ có quy điểm sang thang điểm 10 để tính trong tổ hợp xét tuyển. Ngưỡng đảm bảo chất lượng của các ngành thực hiện theo mục 3.1.2. Cụ thể như sau:

TT	Điểm quy đổi	Môn Tiếng Anh					Môn tiếng Trung			Môn Tin học	
		Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm TOEIC (4 kỹ năng)	Điểm TOEFL Paper	Điểm B2 Cambridge	Điểm HSK 3	Điểm HSK 4	Điểm HSK 5	Điểm IC3	Điểm MOS
1	10	7.0 trở lên	100 trở lên	850 trở lên	575 trở lên	180 trở lên		277 trở lên	253 trở lên	941 trở lên	941 trở lên
2	9.5	6.5	90-99	800-849	550-574	175-179	277-300	253-276	229-252	881-940	881-940
3	9.0	6.0	80-89	750-799	525-549	170-174	253-276	229-252	205-228	821-880	821-880
4	8.5	5.5	70-79	700-749	500-524	165-169	229-252	205-228	180-204	761-820	761-820
5	8.0	5.0	60-69	650-699	475-499	160-164	205-228	180-204		700-760	700-760

4.1.4. Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp với điểm thi năng khiếu (TS04)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào với nhóm ngành đào tạo giáo viên, nhóm ngành sức khỏe của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.1.5. Xét tuyển kết quả học tập lớp 12 kết hợp với điểm thi năng khiếu (TS05)

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và đạt điều kiện như sau:

(1) *Đối với ngành Giáo dục Mầm non:* Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (hoặc học lực xếp loại từ giỏi trở lên). Tổng điểm của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (đã tính điểm ưu tiên) đạt 21.0 trở lên.

(2) *Đối với ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm âm nhạc*: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (hoặc học lực xếp loại từ khá trở lên). Tổng điểm của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (đã tính điểm ưu tiên) đạt 20.0 trở lên.

4.1.6. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển (TS06)

- Trường Đại học Hùng Vương tổ chức xét tuyển thẳng theo các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia và tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp. Thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng học và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có kết quả kiểm tra kiến thức đạt yêu cầu được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp.

- Thực hiện ưu tiên xét tuyển theo các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và quy định của trường.

4.1.7. Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học; Xét tuyển học sinh được cử đào tạo trình độ đại học theo chế độ cử tuyển (TS07)

Nhà trường tổ chức xét tuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học, xét tuyển học sinh được cử đào tạo trình độ đại học theo chế độ cử tuyển theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số và các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Học sinh hoàn thành chương trình dự bị, học sinh được cử đào tạo trình độ đại học theo chế độ cử tuyển và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT của năm tốt nghiệp THPT tương ứng.

4.2. Quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển sẽ được Nhà trường công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào với nhóm ngành đào tạo giáo viên, nhóm ngành sức khỏe của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức, tổ hợp tuyển sinh	Ghi chú
1	7720301	Điều dưỡng	180	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Hóa học, Sinh học (B00) 2. Toán, Sinh học, Tin học (X14) 3. Toán, Ngữ văn, Sinh học (B03) 4. Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01)	
2	7640101	Thú y	40	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Ngữ văn, Công nghệ NN (X04) 2. Toán, Công nghệ NN, GDKT&PL (X55) 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Sinh học, Tin học (X14)	
3	7620105	Chăn nuôi	15		
4	7620110	Khoa học cây trồng	15		

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức, tổ hợp tuyển sinh	Ghi chú
5	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (X70) 2. Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (X74) 3. Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01) 4. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	
6	7810101	Du lịch	80		
7	7760101	Công tác xã hội	50		
8	7340301	Kế toán	200		
9	7340101	Quản trị kinh doanh	130	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Tin học, GDKT&PL (X53) 2. Toán, Ngữ văn, GDKT&PL (X01) 3. Toán, Tiếng Anh, GDKT&PL (X25) 4. Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01)	
10	7340201	Tài chính - Ngân hàng	80		
11	7310101	Kinh tế	100		
12	7220201	Ngôn ngữ Anh	160	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS03, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán (D01) 2. Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lí (D15) 3. Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử (D14) 4. Tiếng Anh, Ngữ văn, GDKT&PL (X78)	
13	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	540	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS03, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán (D01) 2. Tiếng Trung, Ngữ văn, Toán (D04) 3. Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử (D14) 4. Tiếng Anh, Ngữ văn, GDKT&PL (X78)	
14	7480201	Công nghệ thông tin	180	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS03, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 2. Toán, Tiếng Anh, Tin học (X26) 3. Toán, Ngữ Văn, Tin học (X02) 4. Toán, Tiếng Anh, GDKT&PL (X25)	
15	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	140	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Vật lí, Tin học (X06) 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Tiếng Anh, GDKT&PL (X25)	
16	7510201	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	50		
17	7140202	Giáo dục Tiểu học	140	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Ngữ văn, Vật lí (C01) 2. Toán, Ngữ văn, GDKT&PL (X01) 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Ngữ Văn, Lịch sử (C03)	
18	7140209	Sư phạm Toán (Toán tin)	25	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Vật lí, Hóa học (A00) 2. Toán, Vật lí, Tin học (X06) 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Tiếng Anh, GDKT&PL (X25)	
19	7140217	Sư phạm Ngữ Văn	20	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau:	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức, tổ hợp tuyển sinh	Ghi chú
				1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) 2. Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) 3. Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (X70) 4. Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (X74)	
20	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	20	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS03, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán (D01) 2. Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lí (D15) 3. Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử (D14) 4. Tiếng Anh, Ngữ văn, GDKT&PL (X78)	
21	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	15	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Vật lí, Hóa học (A00) 2. Toán, Hóa học, Sinh học (B00) 3. Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) 4. Toán, Sinh học, Tin học (X14)	
22	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	15	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) 2. Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (X70) 3. Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) 4. Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (X74)	
23	7140201	Giáo dục Mầm non	30	Xét tuyển các phương thức TS04, TS05, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Ngữ văn, Toán, NK GDMN (M00) 2. Ngữ văn, Địa lí, NK GDMN (M07) 3. Ngữ văn, GDKT&PL, NK GDMN (M09) 4. Ngữ văn, Lịch sử, NK GDMN (M05)	
24	7140206	Giáo dục Thể chất	10	Xét tuyển các phương thức TS04, TS05, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, NK GDTC 1, NK GDTC 2 (T09) 2. Ngữ văn, NK GDTC 1, NK GDTC 2 (T10)	
25	7140221	Sư phạm Âm nhạc	10	Xét tuyển các phương thức TS04, TS05, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Ngữ văn, NK ÂN 1, NK ÂN 2 (N00) 2. Toán, NK ÂN 1, NK ÂN 2 (N01)	

Ghi chú:

- Đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025, Điểm môn Công nghệ được tính tương đương điểm môn công nghệ nông nghiệp; điểm môn Giáo dục công dân được tính tương đương điểm môn GDKT&PL (Giáo dục kinh tế và pháp luật) để xét tuyển.

- Đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử muốn đăng ký chuyên ngành Công nghệ bán dẫn cần đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu vào quy định tại Quyết định số 1314/QĐ-BGDĐT ngày 13/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ.

- Trong kỳ tuyển sinh, nếu có thêm chỉ tiêu giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đầu thầu, Trường Đại học Hùng Vương triển khai báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông

báo cho thí sinh theo quy định.

- Trên cơ sở năng lực của Nhà trường và các văn bản đặt hàng đào tạo đại học theo chế độ cử tuyển của các tỉnh, Trường Đại học Hùng Vương dự kiến tuyển sinh 120 chỉ tiêu đào tạo đại học theo chế độ cử tuyển (phương thức TS07).

6. Địa điểm, thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

6.1. Thời gian nhận hồ sơ đợt 1

- Thí sinh nộp phiếu ĐKXT cùng với hồ sơ đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT qua Sở Giáo dục và Đào tạo và hệ thống quản lý thi quốc gia.

- Thí sinh đăng ký nguyện vọng bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống quản lý thi (thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn) thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển và xét tuyển theo kế hoạch và lịch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

6.2. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự thi năng khiếu

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự thi năng khiếu đến hết ngày 22/7/2025.

- Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại trường hoặc đăng ký trực tuyến.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

+ Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu).

+ Bản sao học bạ trung học phổ thông;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025.

- Lệ phí thi năng khiếu cho thí sinh: 300.000 đ/thí sinh.

- Thời gian thi năng khiếu: Ngày 26/7/2025.

7. Thông tin hỗ trợ tuyển sinh

- Số điện thoại: 0866 993 468;

- Email: tuyensinh@hvu.edu.vn; Website: www.hvu.edu.vn

- Facebook: <https://www.facebook.com/daihochungvuong/>.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- UBND tỉnh Phú Thọ;
- HT, CTHĐT, các PHT;
- Các phương tiện thông tin đại chúng (để đưa tin);
- Lưu: VT, ĐT.



Đỗ Khắc Thanh